TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 70/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1954, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, (vắng mặt);

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 14/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:***

Bà có cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T (Thùy) mượn tiền 02 lần với số tiền là 80.000.000 đồng. Mỗi lần mượn tiền đều có làm biên nhận và hứa khi nào bà cần T ông M, bà T sẽ trả lại tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 24/9/2017 âm lịch, ông M, bà T mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 25/3/2018 âm lịch, ông M, bà T mượn tiếp của bà số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào năm 2017 bà có tham gia 02 dây hụi do vợ chồng ông M, bà T làm đầu thảo như sau:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 01/8/2017, gồm 36 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hụi này bà đã góp được 24 kỳ hụi sống, bà T và ông M tự ngưng hụi và nợ bà số tiền 96.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 26/8/2017, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này bà đã góp được 19 kỳ hụi sống, bà T và ông M tự ngưng hụi và nợ bà số tiền 38.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi trên, ông M và bà T còn nợ bà số tiền hụi là 134.000.000 đồng. Mặc dù nhiều lần bà yêu cầu ông M, bà T trả lại cho bà số tiền mượn và tiền hụi này nhưng ông M, bà T hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà T phải trả cho bà số tiền mượn là 80.000.000 đồng và tiền hụi là 134.000.000 đồng. Tổng cộng là 214.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 13/4/2023, nguyên đơn bà N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 134.000.000 đồng. Bà N chỉ khởi kiện yêu cầu ông M và bà T phải trả cho bà số tiền mượn 80.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 134.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ

một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trả số tiền hụi là 134.000.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Bùi Thị N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa bà N với bà T, ông M có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp "Biên nhận mượn tiền ngày 24/9/2017 với số tiền 50.000.000 đồng và ngày 25/3/2018 âm lịch mượn tiếp số tiền 30.000.000 đồng" chỗ người mượn tiền chị T có ký tên và ghi rõ họ tên, hai bên thỏa thuận khi nào bà N cần tiền T bà T sẽ hoàn trả. Đồng thời căn cứ vào Trích lục kết hôn số 184/TLKH-BS ngày 24/4/2023 T bà T và ông M là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2007. Theo nguyên đơn trình bày T bà T mượn số tiền trên, ông M có biết và cùng sử dụng tiền phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, số tiền nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định số tiền 80.000.000 đồng này là nợ chung của bà T, ông M.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch cho vay mượn tiền giữa bà N với bà T, ông M đã phát sinh nhưng đến nay ông M, bà T vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu ông M, bà T trả lại tiền là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

3.3. Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà

N, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 80.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn M trả số tiền hụi là 134.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M phải trả cho bà Bùi Thị N số tiền 80.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự T người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh